CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng (UPCOM: LDW)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	15,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**6.7%**	**6.7%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,625 - 15,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,221
Số lượng CPLH (CP)	78,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.02)
EPS	1,158
P/E	13.4

Tỷ suất lợi nhuận

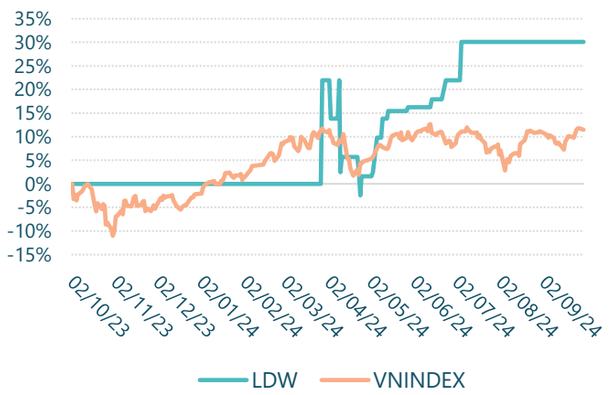

Doanh thu thuần

Q3/24

82.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 1.3%

YoY: ▲ 5.40 | 7.1%

LN gộp

Q3/24

25.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.60 | 6.8%

YoY: ▲ 2.10 | 9.1%

LN trước thuế

Q3/24

32.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.50 | 16.5%

YoY: ▲ 2.20 | 7.5%

Nợ/VCSH

Q3/24

26.9%

YoY: +/-▼ 4.4%

ROE (TTM)

Q3/24

9.8%

YoY: +/-▼ 0.1%

ROA (TTM)

Q3/24

7.7%

YoY: +/-▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh Q3/24

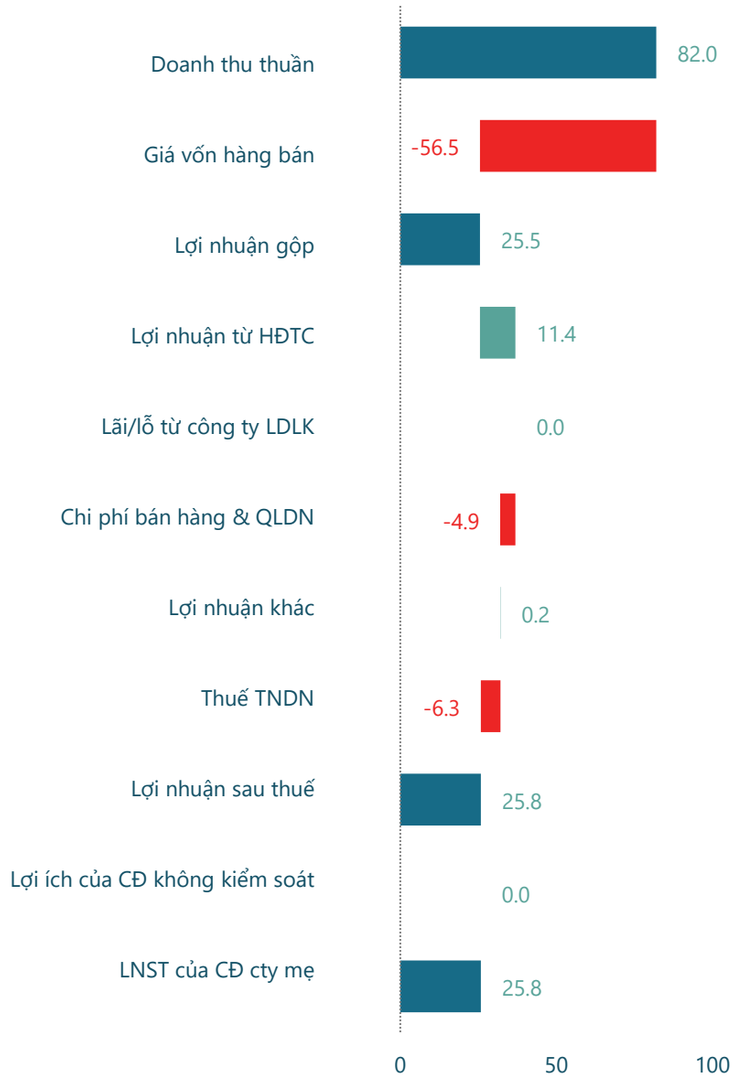

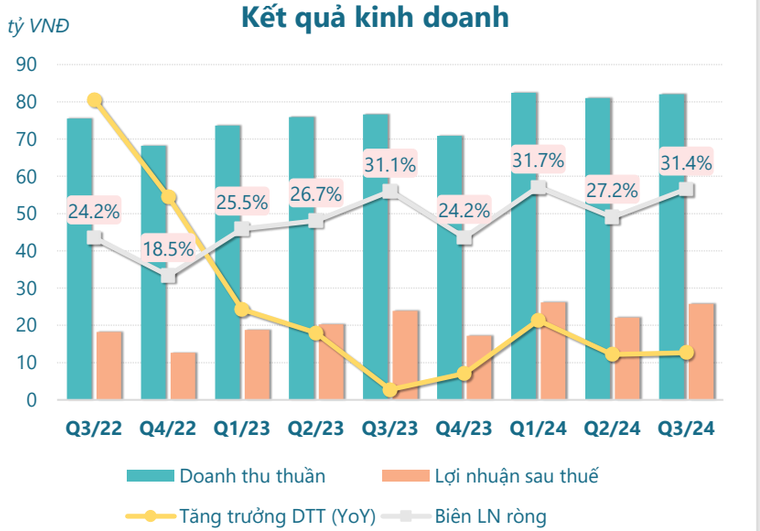

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 31.99 tỷ đồng**, tăng thêm 14.8% so với kỳ trước và cao hơn 7.21% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 11.36 tỷ đồng**, tăng thêm 0.89% so với kỳ trước và thấp hơn 4.62% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.15 tỷ đồng**, tăng thêm 0.37 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 114% so với cùng kỳ năm trước.

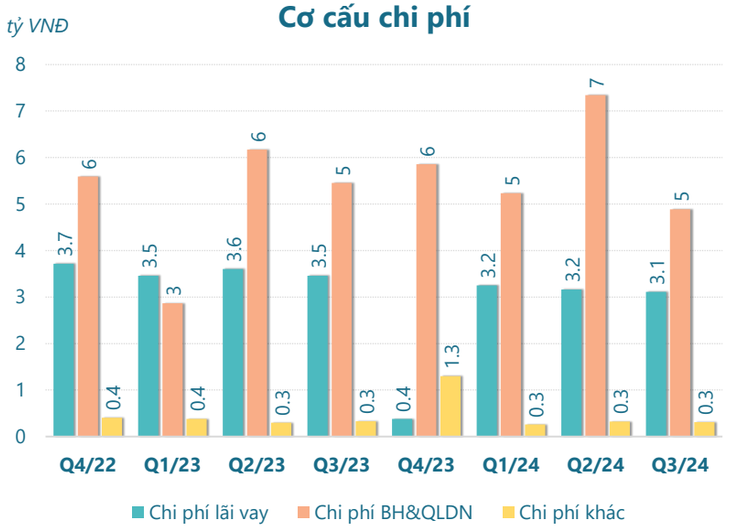

Kết quả kinh doanh của **LDW** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **82.03 tỷ đồng** tăng thêm **7.05%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 25.80 tỷ đồng**, **tăng trưởng 8.13%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **245.0 tỷ đồng** cao hơn 8.41% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 74.00 tỷ đồng** cao hơn 17.5% so với cùng kỳ năm trước.

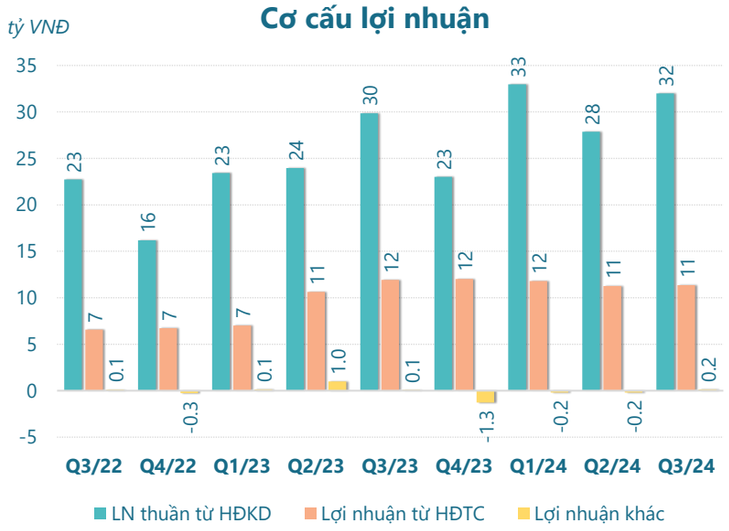

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **3.11 tỷ đồng** giảm đi 1.58% so với kỳ trước và thấp hơn 10.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **4.89 tỷ đồng** giảm đi 33.4% so với kỳ trước và thấp hơn 10.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.31 tỷ đồng** giảm đi 6.06% so với kỳ trước và thấp hơn 6.06% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng (UPCOM: LDW)

FireAnt
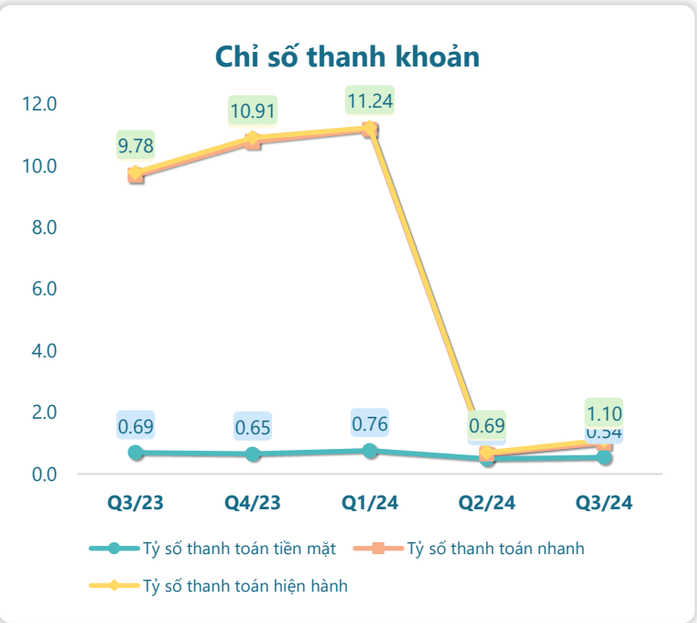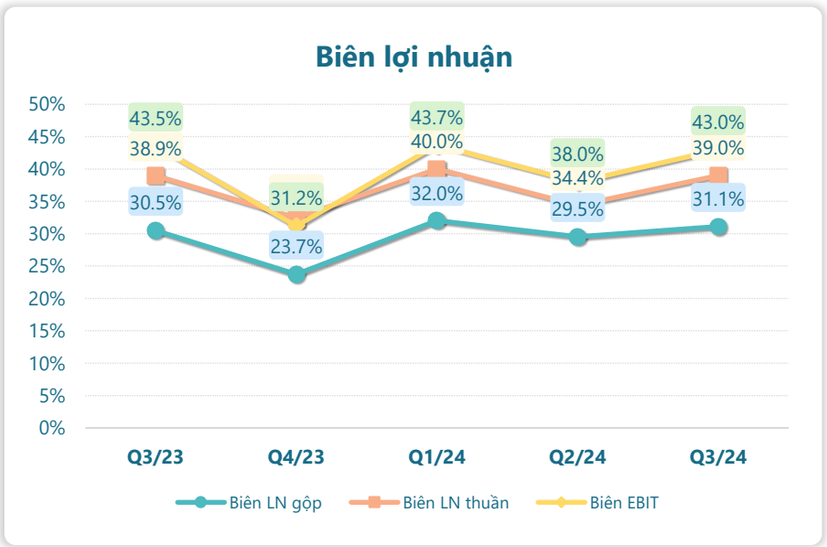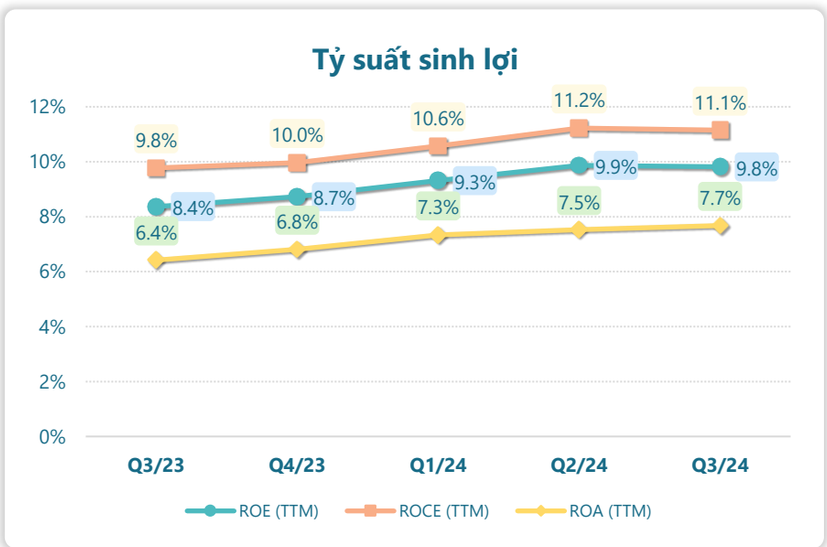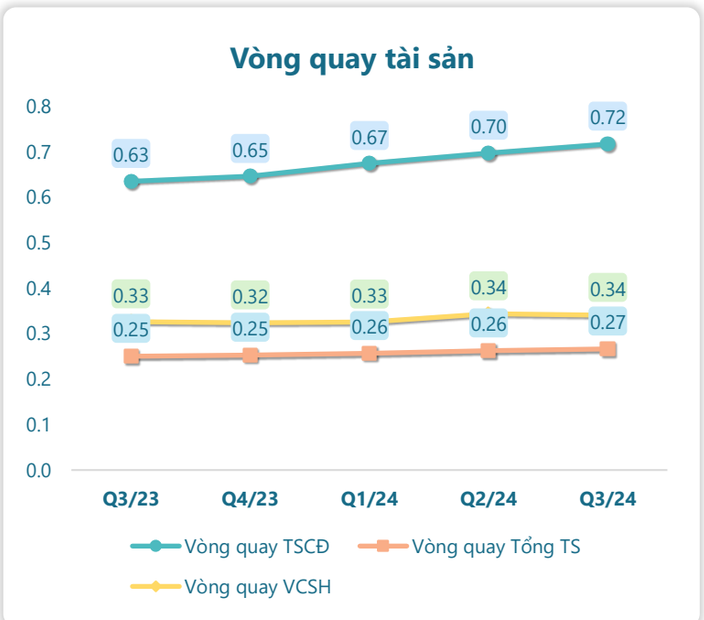
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**82.0**	**81.0**	**1.3%**	**76.6**	**7.1%**	**245**	**226**	**8.5%**
Giá vốn hàng bán	56.5	57.1	-1.0%	53.3	6.0%	170	164	3.4%
Lợi nhuận gộp	25.5	23.9	6.8%	23.4	9.1%	75.9	62.2	22.1%
Doanh thu HĐTC	14.5	14.4	0.5%	15.4	-6.0%	44.0	40.1	9.7%
Chi phí TC	3.11	3.16	-1.4%	3.46	-10.0%	9.53	10.5	-9.4%
Chi phí lãi vay	3.11	3.16	-1.4%	3.46	-10.0%	9.53	10.5	-9.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.01	0.94	7.8%	0.93	8.9%	2.99	3.25	-7.9%
Chi phí QLDN	**3.87**	**6.40**	**-39.5%**	**4.52**	**-14.3%**	**14.5**	**11.2**	**28.7%**
LN thuần từ HĐKD	32.0	27.9	14.7%	29.8	7.4%	92.8	77.2	20.2%
Lợi nhuận khác	**0.15**	**-0.22**	**169%**	**0.07**	**118%**	**-0.27**	**1.19**	**-123%**
LN trước thuế	32.1	27.6	16.5%	29.9	7.5%	92.6	78.4	18.1%
Lợi nhuận sau thuế	**25.8**	**22.1**	**16.7%**	**23.9**	**7.9%**	**74.0**	**62.9**	**17.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**25.8**	**22.1**	**16.7%**	**23.9**	**7.9%**	**74.0**	**62.9**	**17.7%**